

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2017.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Nhuận.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Bà Trần Thị Lệ.

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số 262, ấp TB, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: Nhà số 154/19, đường NPC, phường ..., quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

2- *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1968 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Nhà số 262, ấp TB, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 31/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 1984, bà và ông Trần Văn M có đi đến hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 03 con chung tên Trần Văn Q sinh năm

1984, Trần Thị H sinh năm 1986 và Trần Văn K sinh năm 1992, hiện nay cả 03 con của bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Vợ chồng bà ly thân từ năm 2004 đến nay, lý do là vì có nhiều mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan niệm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không thể sống chung như vợ chồng được. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M;

Về con chung: Do các con chung là Trần Văn Q sinh năm 1984, Trần Thị H sinh năm 1986 và Trần Văn K sinh năm 1992 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 04/7/2017, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông thống nhất với bà Đ về con chung, về thời gian ông và bà Đ chung sống là khoảng năm 1982 – 1983 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông và bà Đ đã ly thân khoảng 08 – 09 năm nay. Lý do ly thân là do vợ chồng ông không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên bà Đ bỏ đi làm. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ và không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn bà Đ chấp hành nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật, riêng đối với bị đơn ông M không chấp hành giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Đ và ông M hiện tại đã không còn tình cảm vợ chồng, ông, bà đã không còn chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay, mâu thuẫn giữa hai người đến nay vẫn không được khắc phục, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Kể từ năm 1984, bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn M đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông, bà

chung sống với nhau có 03 người con chung hiện nay đều đã trưởng thành. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông M là quan hệ hôn nhân thực tế đã xác lập từ năm 1984, được pháp luật thừa nhận. Nay bà Đ khởi kiện xin ly hôn, Tòa án căn cứ theo quy định tại điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống vợ chồng, bà Đ và ông M đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vì ông, bà bất đồng quan niệm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, nên ông, bà đã ly thân không còn chung sống với nhau kể từ năm 2004 cho đến nay. Nay bà Đ khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng ông M không hợp tác và bà Đ vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà Đ và ông M đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của ông, bà đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Đ, được ly hôn với ông M để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn M có các con chung là Trần Văn Q sinh năm 1984, Trần Thị H sinh năm 1986 và Trần Văn K sinh năm 1992, nay tất cả đều đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nghĩa vụ của bà Đ và ông M đối với các con chung.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Trần Văn Q sinh năm 1984, Trần Thị H sinh năm 1986 và Trần Văn K sinh năm 1992, đều đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nghĩa vụ của bà Đ và ông M đối với các con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Bà Đ và ông M không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004677 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, bà Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã LB, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Quang Nhuận